

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02/2020/HS-ST**

Ngày: 15/01/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa** : Ông Phạm Thế Anh.
- **Các Hội thẩm nhân dân** : Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự.
- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa**: Bà Phan Thị Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K - Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa**: ông Phạm Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 67/2019/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HS ngày 02/01/2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Ngọc N; giới tính Nam; sinh năm 1985 tại xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Bố đẻ: Trần Bình L. Sinh năm 1943 (đã chết) và mẹ đẻ: Trần Thị L1. Sinh năm 1946 (đã chết); Gia đình có 6 anh chị em, bị can là con thứ 6; Vợ: Nguyễn Thị N1, sinh năm 1990, hiện trú tại xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án: Bản án số 19/2017/HSST ngày 02/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong ngày 04/10/2018

Tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/11/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn Đ; Giới tính: Nam; Sinh năm 1989 tại xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở : xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Bố đẻ: Trần Văn H. Sinh năm 1947 và Mẹ đẻ: Trần Thị C. Sinh năm 1949; Cả bố và mẹ đều làm ruộng và trú tại xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 9 anh chị em, bị can là con thứ 8; Vợ: Phạm Thị P, sinh năm

1993, hiện trú tại xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự : không. Lịch sử bản thân: Tại bản án số / 2012/HSST ngày 18/7/2012, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt 05 tháng tù cho hưởng án treo và phạt tiền 3.000.000đ về tội “Đánh bạc”; bị cáo đã thi hành xong hình phạt tù và thời gian thử thách vào ngày 18/7/2013.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/11/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

3. Đào Văn A; giới tính: Nam; Sinh năm 1990 tại xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Bố đẻ: Đào Văn M, sinh năm 1958 và Mẹ đẻ: Vũ Thị Q, sinh năm 1970; Cả bố và mẹ đều lao động tự do và trú tại xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 3 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Đỗ Thị N2. Sinh năm 1990, hiện trú tại xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2019

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/11/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Ngọc A1; giới tính: Nam; Sinh năm 1988 tại xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKNKTT, chỗ ở: xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Bố đẻ: Trần Văn L2, sinh năm 1964 và Mẹ đẻ: Đoàn Thị D, sinh năm 1969; Cả bố và mẹ đều là lao động tự do, cùng trú tại xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị L T, sinh năm 1993, hiện trú tại xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/11/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

5. Trịnh Văn S; Giới tính : Nam; Sinh năm 1973 tại xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hoá: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Bố đẻ: Trịnh Văn T1 (Đã chết) và Mẹ đẻ: Phạm Thị N3, sinh năm 1936, Hiện đang làm ruộng và trú tại xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 6 anh chị em, bị cáo là con thứ 6; Vợ: Trần Thị H1, sinh năm 1976, hiện trú tại xóm 12, xã Kim Định, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/11/2019 cho đến nay.

6. Trịnh Văn S1; Giới tính Nam; Sinh năm: 1961 tại xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hoá: 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Bố đẻ: Trịnh Văn U, sinh năm 1929 (đã chết) và Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1924, hiện trú tại xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Gia đình có 8 anh em, bị cáo là con thứ 4; Vợ: Phạm Thị X, sinh năm 1964; Hiện lao động tự do và trú tại xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Con: có 4 con, con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1996.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/11/2019 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Phạm Thị N3, sinh năm 1936, địa chỉ: xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt

+ Anh Đỗ Văn L3, sinh năm 1986, địa chỉ: xóm 14, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt

- Ng- ời làm chứng:

+ Anh Trần Thế T2, sinh năm 1990, địa chỉ: xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

23 giờ ngày 02/11/2019 tổ công tác Công an huyện K phối hợp với công an xã K phát hiện, bắt quả tang tại nhà bà Phạm Thị N3, ở xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình các đối tượng Trần Ngọc A1, Đào Văn A, Trần Ngọc N, Trịnh Văn S1, Trần Văn Đ đang đánh bạc. Thu giữ trên chiếu bạc 15.440.000đ, 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu cói đã cũ. Ngoài ra còn tạm giữ trên người các đối tượng 3.820.000đ (gồm 500.000đ của A1, 500.000đ của S, 2.810.000đ của Đ và 10.000đ của N), 04 điện thoại di động các loại và 01 xe mô tô BKS: 35K1-255.42.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận: do có mối quan hệ hàng xóm nên tối ngày 02/11/2019, Trần Văn Đ, Trần Ngọc A1, Đào Văn A, Trần Ngọc N, Trịnh Văn S1, Trần Thế T2(sinh năm 1990) đều trú tại xóm 12, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, lần lượt đến nhà bà Phạm Thị N3, sinh năm 1936 ở cùng xóm để xem bóng đá giải ngoại hạng Anh. Đến khoảng 22 giờ 25 phút cùng ngày, sau khi trận bóng đá kết thúc mọi người ngồi uống nước chờ xem trận tiếp theo. Lúc này, A1, A, S1 và N thấy ở gian buồng phía Tây nhà bà N3 có chiếc chiếu trải sẵn và bộ bài ở góc nhà nên cùng rủ nhau đánh bạc. Sau đó, cả bốn người đi vào trong buồng ngồi quây tròn trên chiếu bắt đầu đánh bạc dưới hình thức chơi “Liêng”, mỗi ván góp gà 10.000đ, tổ hết lạng 50.000đ. Chơi được một lúc thì Trịnh Văn S ở cùng xóm và là con trai bà N3 đến xin chơi cùng, Đ lúc đầu không chơi nhưng sau khi S đến thì cũng vào đánh bạc cùng mọi người. Với hình thức nêu trên, 06 người chơi đánh bạc liên tục đến khoảng 22 giờ 50 phút 02/11/2019 ngày thì Đ nghỉ không chơi nữa, chỉ còn lại 05 người đánh bạc. Đến 23 giờ ngày 02/11/2019 tổ công tác Công an huyện K phối hợp với công an xã K phát hiện, bắt quả tang.

Quá trình điều tra trả lại vật chứng là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda mang BKS: 35K1- 255.42 cho anh Đỗ Văn L3.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Ngọc N, Trần Văn Đ, Đào Văn A, Trần Ngọc A1, Trịnh Văn S, Trịnh Văn S1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Các bị cáo xác nhận trước khi đánh bạc, N có 610.000đ, A có 10.000.000đ, A1 có 3.500.000đ, S1 có 500.000đ đều sử dụng hết để đánh bạc; Đ có 3.000.000đ sử dụng 190.000đ để đánh bạc, S có 1.650.000đ sử dụng 1.150.000đ để đánh bạc; tổng số tiền huy động vào việc đánh bạc là 15.950.000đ.

Bản cáo trạng số 03 /CT-VKS ngày 24/12/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đó truy tố các bị cáo Trần Ngọc N, Trần Văn Đ, Đào Văn A, Trần Ngọc A1, Trịnh Văn S, Trịnh Văn S1 theo Khoản 1, 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo nội dung cáo trạng và đề nghị HĐXX:

- Tuyên bố các bị cáo: Trần Ngọc N, Trần Văn Đ, Đào Văn A, Trần Ngọc A1, Trịnh Văn S, Trịnh Văn S1 phạm tội “Đánh bạc”.

- + Áp dụng: Khoản 1,3 Điều 321; điểm s khoản 1,2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Ngọc N từ 9 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thụ hình. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng

- + Áp dụng: Khoản 1,3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt bị Trần Văn Đ từ 6 đến 9 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo Đ từ 10 đến 15 triệu đồng. Bị cáo Đ được trừ 06 ngày cải tạo không giam giữ cho thời gian tạm giữ 02 ngày từ 02/11/2019 đến hết ngày 03/11/2019

- + Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Đào Văn A từ 22 đến 25 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

- + Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Ngọc A1, Trịnh Văn S, Trịnh Văn S1 từ 20 đến 23 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

- Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106, 136 BLTTHS, nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

- + Tịch thu số tiền 15.950.000đ sung ngân sách nhà nước.

- + Trả lại số tiền 3.310.000đ cho các bị cáo (bị cáo Định 2.810.000đ, bị cáo Sự 500.000 đồng) nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

- + Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc cối đã cũ là các công cụ sử dụng để đánh bạc

- + Trả lại cho bị cáo N 01 điện thoại di động NOKIA 105 màu xanh; 01 điện thoại di động OPPO màu tím cho bị cáo An; 01 điện thoại di động SAMSUNG A7 cho bị cáo Đ; 01 điện thoại di động SAMSUNG J7 màu bạc cho bị cáo Ái

- + Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, xem xét miễn án phí cho bị cáo N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Tại phiên các bị cáo đã khai nhận hành vi của mình đã thực hiện đêm ngày 02/11/2019 như tóm tắt nội dung vụ án của tòa án. Các bị cáo xác nhận trước khi đánh bạc thì bị cáo N có 610.000đ, A có 10.000.000đ, A1 có 3.500.000đ, Sỷ có 500.000đ, Đ có 190.000đ, S có 1.150.000đ đều sử dụng để đánh bạc tổng số tiền huy động vào việc đánh bạc là 15.950.000đ. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa hôm nay như: biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 23 giờ ngày 02/11/2019 , lời khai của làm chứng và vật chứng thu giữ và số tiền 15.950.000đ sử dụng đánh bạc cùng dụng cụ dùng để đánh bạc là 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếu nhựa.

Từ những chứng cứ đó, đã có đầy đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 22 giờ 25 phút đến 23 giờ cùng ngày 02/11/2019, tại nhà bà Phạm Thị N3 ở xóm 12, xã K, huyện K, Trần Ngọc N, Trần Văn Đ, Đào Văn A, Trần Ngọc A1, Trịnh Văn S, Trịnh Văn S1 đã có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “Liêng”; với tổng số tiền huy động vào việc đánh bạc là 15.950.000đ các bị cáo đã phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rất rõ việc rủ rê, tụ tập, đánh bạc là vi phạm pháp luật; song để thỏa mãn nhu cầu sát phạt nhau bằng tiền và hưởng lợi từ việc làm trái pháp luật đó, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội vì vậy cần phải có biện pháp xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo, đặc biệt là các bị cáo giữ vai trò chính nhằm răn đe phòng ngừa chung đồng thời ngăn chặn loại hình đánh bạc này lan rộng.

[3] Trong vụ án này HĐXX thấy: vụ án có đông bị cáo tham gia nhưng phạm tội mang tính giản đơn không có tổ chức, cấu kết chặt chẽ; nhưng để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh trong đường lối xét xử cần phân tích rõ vị trí, vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo; đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp với tính chất mức độ phạm tội mà từng bị cáo gây ra:

Bị cáo Trần Ngọc N là người đã bị xử phạt tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích biết việc đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng không ngăn cản mà đồng thuận tham gia ngay, tham gia đánh bạc ngay từ đầu, giữ vai trò thứ nhất trong vụ án.

Bị cáo Trần Văn Đ là người đã bị xử phạt tù về tội “đánh bạc” đã được xóa án tích biết việc đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng không ngăn cản mà đồng thuận tham gia ngay, tham gia đánh bạc ngay từ đầu giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

Bị cáo Đào Văn A là người có số tiền huy động để đánh bạc lớn nhất tham gia đánh bạc ngay từ đầu thể hiện việc tích cực phạm tội tính chất mức độ của hành vi của các bị cáo này giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

Các bị cáo Trần Ngọc A1, Trịnh Văn S, Trịnh Văn S1 cùng đồng phạm với vai trò là người thực hành tham gia đánh bạc sau, tính chất mức độ của hành vi của các bị cáo này giữ vai trò cuối cùng trong vụ án

[4] Về các tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này chỉ có bị cáo Trần Ngọc N phạm tội mới khi chưa được xóa án tích là tình tiết tăng nặng tại điểm g, khoản 1 Điều 52 BLHS; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho tất cả các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS.

Đào Văn A, Trần Ngọc A1, Trịnh Văn S, Trịnh Văn S1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho tất cả các bị cáo được quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 BLHS.

[6] Căn cứ nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội quy định tại Điều 3 và Điều 58 BLHS năm 2015 nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy; khoan hồng đối với đồng phạm với vai trò thứ yếu thì thấy rằng:

Đối với bị cáo N giữ vai trò đầu vụ; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng thuộc trường hợp tái phạm tính nên chất mức độ phạm tội cao hơn và nguy hiểm hơn các bị cáo còn lại do đó cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và áp dụng hình phạt tiền bổ sung nhằm tăng tính nghiêm minh.

Đối với bị cáo Đ phạm tội khi tiền sử đã bị xử lý về hành vi đánh bạc t mức độ phạm tội cao hơn và nguy hiểm hơn các bị cáo còn lại nhưng chưa đến mức phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là hình phạt chính và áp dụng hình phạt tiền bổ sung cũng đủ giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân có ích.

Các bị cáo Đào Văn A, Trần Ngọc A1, Trịnh Văn S, Trịnh Văn S1 phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân các bị cáo chưa vi phạm lần nào, mục đích là thu lợi bất chính thông qua việc đánh bạc, nên chỉ áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích và răn đe phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo Đào Văn A giữ vai trò thứ hai trong vụ án mức hình phạt tiền phải cao hơn các bị cáo còn lại. Các bị cáo Trần Ngọc A1, Trịnh Văn S, Trịnh Văn S1 mức hình phạt tiền của các bị cáo là như nhau.

[7] Về xử lý vật chứng: Số tiền 15.950.000đ là tiền sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Quá trình điều tra cơ quan công an xác định chiếc xe Honda mang BKS: 35K1- 255.42 do A mượn của anh vợ là Đỗ Văn L3; Anh L3 không biết A mượn xe để đến nhà bà N3 và đánh bạc ở đó nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh L3 là đúng quy định pháp luật.

Đối với 01 bộ bài lơ khơ 52 quân; 01 chiếc nhựa là công cụ, phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy .

Những vật chứng còn lại gồm: số tiền 3.310.000đ thu của Đ và S; 01 điện thoại di động NOKIA 105 màu xanh tạm giữ của N; 01 điện thoại di động OPPO màu tím tạm giữ của A; 01 điện thoại di động SAMSUNG A7 tạm giữ của Đ; 01 điện thoại di động SAMSUNG J7 màu bạc tạm giữ của A1 . Các vật chứng thu giữ này không liên quan đến hành vi phạm tội là tài sản cá nhân của các bị cáo cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Căn cứ điều 136 BLTTHS năm 2015, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14; buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000^d án phí HSST. Bị cáo N được miễn án phí do thuộc hộ nghèo

[9] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện K; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Ng-ời tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, ng-ời tiến hành tố tụng do đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Ngọc N, Trần Văn Đ, Đào Văn A, Trần Ngọc A1, Trịnh Văn S, Trịnh Văn S1 phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng: Khoản 1 và 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Ngọc N 09 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thụ hình. Phạt bổ sung bị cáo 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

Áp dụng: Khoản 1 và 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 09 tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ 5% thu nhập đối với bị cáo trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ sung ngân sách nhà nước. Phạt bổ sung bị cáo 15 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã K nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo Đ được trừ 09 ngày cải tạo không giam giữ cho thời gian tạm giữ 06 ngày từ 02/11/2019 đến 03/11/2019 còn phải thi hành 8 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Trần Văn Đ cho UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Đào Văn A 25 triệu đồng sung ngân sách nhà nước

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và 35 BLHS năm 2015 xử phạt các bị cáo Trần Ngọc A1, Trịnh Văn S, Trịnh Văn S1 mỗi bị cáo 20 triệu đồng sung ngân sách nhà nước.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 BLTTHS năm 2015 Điều 47 BLHS

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 15.950.000đ.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài lơ khơ 52 quân; 01 chiếc nhựa.

- Trả lại cho các bị cáo các tài sản sau nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án cụ thể: số tiền 3.310.000đ thu của Đ và S; 01 điện thoại di động NOKIA 105 màu xanh tạm giữ của N; 01 điện thoại di động OPPO màu tím tạm

giữ của An; 01 điện thoại di động SAMSUNG A7 tạm giữ của Đ; 01 điện thoại di động SAMSUNG J7 màu bạc tạm giữ của Ái

3. Án phí: Căn cứ điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, buộc các bị cáo Trần Văn Đ, Đào Văn A, Trần Ngọc A1, Trịnh Văn S, Trịnh Văn S1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí cho bị cáo Nin

Tr-ởng hợp bản án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng-ời có quyền, nghĩa vụ thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- Các bị cáo;
- UDND xã K;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh